

Q Fukuoka là một nơi như thế nào?

A Fukuoka nằm ở vị trí địa lý phía bắc của Kyushu, là cửa ngõ của Kyushu và châu Á. Ngoài các khu vực shopping sầm uất như Tenjin, Hakata, còn có nhiều công viên rất thích hợp cho thư giãn. Và nếu bạn đi xa thêm một chút thì có thể tắm biển hoặc leo núi.



FUKUOKA WOMEN'S UNIVERSITY

INTERNATIONAL STUDENTS
START BOOK 2025

| Bản tiếng Việt |



Về học tập

Q Tôi có thể học được những gì tại Đại học Nữ sinh Fukuoka?

A Đại học Nữ sinh Fukuoka chỉ có một khoa duy nhất là khoa Khoa học tự nhiên xã hội và nhân văn Quốc tế. Tại tất cả các ngành học, đào tạo tổng hợp các môn khoa học tự nhiên và khoa học xã hội, Các sinh viên được nâng cao được kiến thức chuyên ngành cần thiết và năng lực tổng hợp của con người đủ để hòa nhập với cộng đồng Quốc tế.

Ngành Giáo dục Quốc tế

Đối với ngành học này, bạn có thể tự do lựa chọn các khóa học phù hợp với mong muốn của bản thân để học tập, trong các lĩnh vực học thuật như tư tưởng/ văn hóa, văn học, ngôn ngữ/ giáo dục ngôn ngữ, lịch sử, kinh tế, chính trị/ pháp luật, quản lý kinh doanh, xã hội, và các môn học chuyên ngành thuộc các khu vực Nhật Bản, Châu Á, Âu Mỹ, toàn cầu.

Ngành Khoa học môi trường

Khóa học Khoa học tự nhiên môi trường

(Lĩnh vực nghiên cứu về vật chất môi trường/
Lĩnh vực nghiên cứu về sự sống môi trường)

Với 2 lĩnh vực này làm chủ đạo, bạn có thể nghiên cứu các hiện tượng tự nhiên liên quan đến vật chất môi trường và sự sống, hướng tới “xây dựng xã hội hòa hợp với môi trường”.



Khóa học Quản lý môi trường

(Lĩnh vực chính sách môi trường và đời sống/
Lĩnh vực thiết kế môi trường sống/
Lĩnh vực thông tin môi trường và khoa học dữ liệu)

Với 3 lĩnh vực này làm chủ đạo để học tập một cách tổng hợp, sinh viên suy nghĩ về “hành động của con người” nhằm cố gắng hiến cho môi trường.



Ngành Thực phẩm và Sức khỏe

Sau khi hoàn thành tín chỉ của các môn học theo quy định, sinh viên sẽ tốt nghiệp và đồng thời nhận được bằng “Nhân viên dinh dưỡng” và “Tư cách để tham dự Kỳ thi Quốc gia chứng chỉ Chuyên viên quản lý dinh dưỡng”. *Tư cách lưu trú (visa lao động) không bao gồm tư cách Chuyên viên quản lý dinh dưỡng.



Q Tại sao lại sống ở ký túc xá?

A Vào thời điểm nhập học, tất cả các sinh viên năm thứ 1 sẽ vào sống tại “Ký túc xá sinh viên Quốc tế Nadeshiko”, nơi mà các du học sinh và sinh viên Nhật Bản sẽ cùng sinh hoạt, ký túc xá sinh viên vừa là “nơi sinh hoạt” vừa là “nơi giáo dục”. Thông qua việc sinh hoạt cùng với sinh viên Nhật Bản, bạn có nhiều cơ hội để nuôi dưỡng tính tích cực, tính tự chủ, năng lực hành động của mình.

Căn hộ unit 4 người gồm các phòng ngủ riêng có ban công.

Trong 1 căn hộ unit (4 sinh viên dùng chung) sẽ có 1 du học sinh (sinh viên năm 1 ~ năm 4) và 3 sinh viên Nhật Bản (sinh viên năm 1) sinh hoạt cùng nhau, qua đó các sinh viên có thể trang bị cho mình năng lực xây dựng các mối quan hệ, hiểu rõ hơn về các nền văn hóa khác nhau, và kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ. Các du học sinh được kỳ vọng sẽ có những đóng góp cho việc giao lưu với sinh viên Nhật Bản và Quốc tế hóa trường đại học.

Ký túc xá rất tiện lợi cho việc học tập vì chỉ cần di chuyển trong khuôn viên trường.

Vì ký túc xá nằm ngay trong khuôn viên trường nên không tốn thời gian đi lại, bạn có thể tập trung vào học tập và tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ ngoại khóa, cũng như thoải mái sử dụng thời gian riêng của bản thân. Trường đã hoàn thiện môi trường và trang thiết bị đầy đủ cho cuộc sống mới, có đủ hệ thống hỗ trợ vận hành và đảm bảo an ninh trong ký túc xá. Các sinh viên có thể an tâm khi sinh hoạt tại đây.

Hoàn thiện môi trường cần thiết để bắt đầu cuộc sống mới

Có sẵn giường và bàn ghế trong phòng. Bạn không cần thiết phải sắm mọi thiết bị khi vào ký túc xá. Hãy sắm sửa dần dần, đó cũng là niềm vui và tiết kiệm về mặt kinh tế.

Chi phí: **15,000 yên/tháng** 180.000 yên/năm

Ngoài ra có phí vệ sinh cần thanh toán trước 16.500 yên (chỉ khi chuyển vào)

(Bao gồm phí sử dụng ký túc xá, phí hoạt động và phí duy trì/ phí gia hạn, phí điện nước gas và phí sử dụng đường truyền internet)

Dữ liệu về ký túc xá

Sức chứa	340 người	*4 người sử dụng 1 căn hộ unit 4DK (4 phòng ngủ + sử dụng chung phòng ăn và bếp, nhà tắm, toilet) x 85 unit (tòa nhà 6 tầng) Tòa nhà A - C
Diện tích	Phòng riêng/ khoảng 6 tấm chiếu tatami	1 unit tương đương/ 82,40㎡
Tiện nghi	●Phòng riêng/ Điều hòa, bàn (có đèn chiếu sáng và kệ sách), ghế, tủ quần áo, giường ngủ (có ngăn đựng đồ), mạng internet, ban công (có sào phơi đồ, giàn phơi đồ) ●Đồ dùng phòng ngủ như chăn nệm, gối v.v... phải tự chuẩn bị hoặc có thể thuê (tính phí thuê) ●Khu vực chung trong từng căn hộ/ ●Dùng chung cho 4 người Phòng bếp (bếp điện từ IH, bồn rửa, tủ lạnh, nồi cơm điện IH, lò vi sóng, ấm điện, ấm đun nước, bàn ăn), phòng tắm (có vòi sen), điều hòa, bồn rửa mặt, nhà vệ sinh, máy giặt, máy hút bụi, giá để ô dù, tủ đựng giày, điện thoại nội bộ v.v... ●Khu vực sinh viên ký túc xá có thể sử dụng chung Sảnh lớn, phòng họp, khu vực bếp công cộng, buồng tắm, phòng giặt v.v...	
Ăn uống	Tự túc 3 bữa ăn. Có thể sử dụng nhà ăn sinh viên từ 11:30 đến 13:30 các ngày trong tuần. Cửa hàng J Shop của Hiệp hội University Co-op mở cửa từ 10:00 đến 17:00 các ngày trong tuần. *Thời gian hoạt động có thể thay đổi.	
Quản lý/ an ninh	Hệ thống khóa cửa tự động (lối vào chính) bằng thẻ từ, hệ thống an ninh có camera giám sát, nhân viên bảo vệ, nhân viên quản lý thường trực. Giờ giới nghiêm là 23h. Ngoại trừ trường hợp khẩn cấp, không được phép rời ký túc xá từ 23h đến 5h. Sinh viên không được phép qua đêm bên ngoài vào các ngày trong tuần trong khoảng thời gian theo học, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt. Trường hợp muốn qua đêm bên ngoài, hãy xin phép trước với nhà trường.	



Q Tình hình tìm việc làm sau khi ra trường ra sao?

A Năm tài khoá 2023 **100%**
(sinh viên học tiếp lên cao học: 4 người)

Các công ty chủ yếu sinh viên chọn vào làm sau khi tốt nghiệp:
INOS (Intelligent Network of Solution Co. Ltd.), Cathay Pacific Airway Ltd., Cube System, Konoike Asia (Thailand) Co. LTD, City Ascom, Daiwa House Corporation, Teradata Japan Ltd., Fujitsu, Route Inn Japan, World Intec
Các trường chủ yếu sinh viên chọn học lên:
Cao học Đại học Kobe, Cao học Đại học Saga, Cao học Đại học Nữ sinh Fukuoka, Cao học Đại học Bắc Kinh

Số du học sinh tốt nghiệp là 21 người. Ngành Giáo dục Quốc tế có 9 sinh viên, ngành Khoa học Môi trường có 1 sinh viên mong muốn đi làm, tất cả các sinh viên đều có việc làm. Ngành Giáo dục Quốc tế có 2 sinh viên, ngành Khoa học Môi trường có 2 sinh viên học tiếp lên cao học.

Về sự hỗ trợ



Sau khi vào học tại trường, có cơ hội học tiếng Nhật hay không?

A Chúng tôi cung cấp nhiều cơ hội học tại trường và ngoài trường để nâng cao năng lực tiếng Nhật cần thiết và các kỹ năng học tập bằng tiếng Nhật. Các chương trình giảng dạy tiếng Nhật phù hợp với mỗi cá nhân sẽ giúp sinh viên phát huy tốt nhất khả năng của mình.

Chương trình giảng dạy tiếng Nhật (Chương trình tiếng Nhật học thuật/ nghề nghiệp)

Là chương trình giảng dạy tiếng Nhật dành cho du học sinh, thực hiện trong năm thứ 1 và năm thứ 2. Cùng với việc giảng dạy truyền thụ 4 kỹ năng “nghe” “nói” “đọc” “viết” tiếng Nhật, sinh viên sẽ nhận được các kiến thức cơ bản cần thiết cho cuộc sống tại Nhật bản, và hướng tới mục tiêu phát biểu bằng tiếng Nhật và viết luận văn ngắn theo hình thức luận văn học thuật.

Chúng tôi không đặt điều kiện ứng tuyển cần phải tham gia thi “Kỳ thi năng lực tiếng Nhật”

Điều kiện ứng tuyển không bắt buộc bạn phải tham gia thi "Kỳ thi năng lực tiếng Nhật" do Hiệp hội hỗ trợ giáo dục Quốc tế Nhật Bản và Quỹ Giao lưu Quốc tế tổ chức, nhưng bạn cần phải có đủ năng lực nghe hiểu tiếng Nhật để có thể nắm được các bài giảng bằng tiếng Nhật, vì vậy hãy cố gắng học tiếng Nhật nhé.



Trường có chế độ hỗ trợ trong sinh hoạt cho sinh viên không?

A Chúng tôi có chế độ hỗ trợ trên nhiều mặt để giúp đỡ du học sinh làm quen với cuộc sống tại Nhật Bản và có thể bắt đầu cuộc đời sinh viên một cách suôn sẻ. Bạn có thể nắm bắt các cách diễn đạt hội thoại của Nhật Bản và năng lực giao tiếp, đồng thời kết bạn với người Nhật.

Người hỗ trợ du học sinh JD-Mates

Japanese students volunteering to assist international students are designated by the university as JD- Chứng nhận JD-Mates (Joshi-Dai Mates) cho các sinh viên Nhật Bản hỗ trợ du học sinh Về nguyên tắc, mỗi 1 du học sinh sẽ có 1 JD-Mates kèm cặp, sẽ hỗ trợ du học sinh về mặt sinh hoạt và học tập, như trợ giúp làm các thủ tục vào Nhật Bản, vào ký túc xá, mở tài khoản tại ngân hàng, thủ tục về bảo hiểm.



Tiếp nhận du học sinh nước ngoài

Trường tích cực tiếp nhận du học sinh nước ngoài.

Số du học sinh nước ngoài

Đại học: **40** người

Cao học: **26** người

Tổng số sinh viên

Đại học: **1.025** người

Cao học: **57** người

Nhật Bản	Hàn Quốc	Trung Quốc	Đài Loan	Việt Nam	Malaysia	Đức	Serbia
Đại học 985	Đại học 17	Đại học 12	Cao học 1	Đại học 6	Đại học 4	Đại học 1	Cao học 1
Cao học 31	Cao học 31	Cao học 22			Cao học 1		

Thời điểm tháng 5/2024

Có chương trình hỗ trợ về mặt tài chính cho du học sinh không?

A Tất cả du học sinh đều được miễn giảm toàn phần phí nhập học, do vậy gánh nặng về tài chính được giảm nhẹ. Ngoài ra, đối với các du học sinh có thành tích tốt cũng được miễn giảm học phí. Chúng tôi nhiệt thành cổ vũ các du học sinh thật sự cố gắng.

Phí nhập học	Học phí (1 năm)	Phí hội viên	Phí bảo hiểm	Phí ký túc xá	Phí khu dân cư	Tổng (không gồm học phí)
520.000 yên Miễn toàn bộ	535.800 yên Có chế độ miễn	Phí nhập hội/ 40.000 yên Hội phí/ 10.000 yên	Ngành Giáo dục Quốc tế 40.060 yên/4 năm Ngành Khoa học môi trường 40.060 yên/4 năm Ngành Thực phẩm và Sức khỏe 40.130 yên/4 năm	196.500 yên Nửa kỳ 90.000 yên Trả riêng khi chuyển vào ký túc xá Phí vệ sinh trả trước 16.500 yên	15.000 yên/ 4 năm	Ngành Giáo dục Quốc tế 301.560 yên Ngành Khoa học môi trường 301.560 yên Ngành Thực phẩm và Sức khỏe 301.630 yên

Đối với các du học sinh đạt được các thành tích học tập như trong mục (1) và (2) sau đây, sẽ được miễn giảm học phí.

(1) Đối với sinh viên năm 1 sẽ dựa vào kết quả thi đầu vào để chọn.

Miễn giảm toàn phần

Trường hợp đạt mục A hoặc B sau đây (tối đa 10 người)

- A. Điểm môn tiếng Nhật của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) nằm trong top 20 của tất cả số thí sinh, và 1 môn thi khác có điểm trên điểm trung bình
- B. Một trong những điểm số (score) của các chứng chỉ/ trình độ tiếng Anh trong bảng dưới đây cao hơn tiêu chuẩn miễn giảm toàn phần

Miễn giảm một nửa

Trường hợp đạt mục A hoặc B sau đây (tối đa 10 người)

- A. Điểm môn tiếng Nhật của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) nằm trong top 30 của tất cả số thí sinh, và 1 môn thi khác có điểm trên điểm trung bình
- B. Một trong những điểm số (score) của các chứng chỉ/ kì thi trình độ tiếng Anh trong bảng dưới đây cao hơn tiêu chuẩn miễn giảm một nửa (tại thời điểm tháng 4 năm 2024)

	TOEFL (iBT)	TOEIC L&R, S&W	IELTS	GTEC	TEAP	TEAP CBT	Kỳ thi Anh ngữ Cambridge	Kỳ thi Anh ngữ Eiken
Miễn giảm toàn phần	Trên 72	Trên 1560	Trên 5.5	Trên 1190	Trên 309	Trên 600	Trên 160	Trên 2300
Miễn giảm một nửa	Trên 57	Trên 1350	Trên 4.5	Trên 1075	Trên 267	Trên 510	Trên 150	Trên 2125

(2) Đối với sinh viên năm 2 ~ năm 4 sẽ dựa vào kết quả học tập mỗi học kỳ để chọn.

Miễn giảm toàn phần

Tổng điểm GPA từ 3,0 trở lên

Miễn giảm một nửa

Tổng điểm GPA trên 2,5 sinh viên không thuộc đối tượng miễn giảm toàn phần

※ Trường hợp số sinh viên đạt tiêu chuẩn miễn giảm quá 10 người, sẽ quyết định theo thứ hạng thành tích.※ Trên đây là chế độ của năm tài chính 2024. Nếu có sự thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo trên website của nhà trường.

Sử dụng chế độ “Công nhận nhập học trước khi sang Nhật”

Có thể dự tuyển từ nước khác ngoài Nhật Bản

Công nhận nhập học trước khi sang Nhật là chế độ cho phép thí sinh tham gia kỳ thi tuyển sinh của các trường đại học tại Nhật Bản, và lấy được công nhận nhập học mà không cần rời khỏi đất nước của mình. Trong kỳ thi tuyển sinh dành cho du học sinh người nước ngoài, nhà trường thiết lập địa điểm tổ chức thi tại Hàn Quốc - Malaysia (tuyển sinh thông thường) và Việt Nam - Thái Lan - Malaysia (tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi giới thiệu), sử dụng kết quả của “Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)” (thí sinh đã dự thi ở ngoài Nhật Bản) do Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) thực hiện, và tiến hành chế độ Công nhận nhập học trước khi sang Nhật cho thí sinh. Nếu sử dụng chế độ này, thí sinh có thể dự thi và lấy được công nhận nhập học mà không cần đến Nhật.

Có thể nhận được học bổng của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO).

Đối với những thí sinh sử dụng chế độ Công nhận nhập học trước khi sang Nhật, nhà trường có “Chế độ xin nhận trước học bổng khuyến học dành cho du học sinh (do trường đại học giới thiệu)” của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO), và thí sinh có thể nhận được tiền học bổng.

Tham khảo: Khoản tiền học bổng năm tài chính 2024 là 48.000 yên x 12 tháng (Kỳ nhập học mùa xuân) hoặc 6 tháng (Kỳ nhập học mùa thu)

Học bổng dành cho du học sinh tự phí nước ngoài

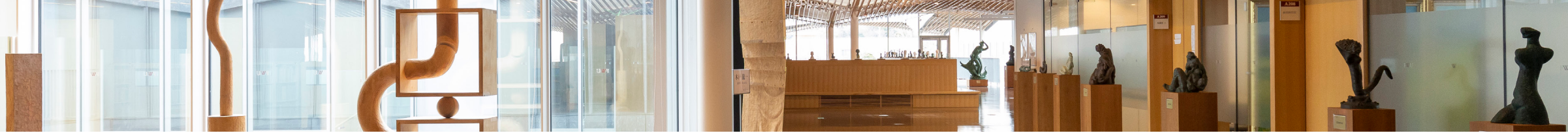
Tuy trường không có chế độ học bổng của riêng mình dành cho đối tượng là du học sinh tự phí người nước ngoài, nhưng trường có cơ chế giới thiệu đến Bộ Giáo dục, Văn hóa, Khoa học và Công nghệ, Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản, và các Quỹ học bổng của các tài đoàn khác.

Các học bổng dành cho đối tượng là du học sinh tự phí người nước ngoài đã gửi yêu cầu nhờ trường giới thiệu trong các năm trước như danh sách dưới đây.

- Học bổng học tập dành cho du học sinh tự phí người nước ngoài của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản
- Học bổng của Quỹ quốc tế thành phố Fukuoka thuộc Quỹ giao lưu Quốc tế Fukuoka Yokatopia
- Học bổng giáo dục anh tài dành cho du học sinh và giáo viên thành phố Fukuoka thuộc Quỹ giao lưu Quốc tế Fukuoka Yokatopia
- Học bổng Cha Mẹ nuôi của du học sinh Châu Á Fukuoka của Trung tâm giao lưu Quốc tế tỉnh Fukuoka
- Học bổng của Quỹ học bổng Kỳ niệm Rotary Yoneyama
- Học bổng dành cho du học sinh nước ngoài của Quỹ Hòa bình Nakajima
- Học bổng dành cho du học sinh tự phí của Tài đoàn SGH
- Học bổng dành cho du học sinh JEES (du học) của Hiệp hội hỗ trợ giáo dục quốc tế Nhật Bản
- Học bổng thông thường của Quỹ học bổng Quốc tế Assuran
- Học bổng dành cho du học sinh châu Á của Quỹ Kỳ niệm Shiiki Masakazu

Trường hợp nếu có những học bổng khác có thể nộp đơn xin thì chúng tôi sẽ gửi mail hướng dẫn.

Về kỳ thi tuyển sinh



Q Có kỳ thi tuyển sinh dành cho đối tượng du học sinh không?

A Có hình thức tuyển sinh chung dành cho du học sinh người nước ngoài và tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi du học sinh nước ngoài. Thi tuyển theo hình thức nào cũng cần thiết phải có kết quả thi của “Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)” . Ngoài ra, thí sinh có thể sử dụng chế độ cấp phép nhập học trước khi sang Nhật Bản, là cơ chế cho phép dự thi và nhận được quyết định nhập học mà không cần sang Nhật Bản.

	Tuyển sinh chung		Tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi
Thời gian nhập học	Tháng 4 năm 2025		
Ngành học tuyển sinh	Ngành Giáo dục Quốc tế/ Ngành Khoa học môi trường/ Ngành Thực phẩm và Sức khỏe		
Số lượng tuyển sinh	20 người	vài người	
Ngày thi	15/12/2024	tùy theo địa điểm thi	
Địa điểm thi	●Nhật Bản (Đại học Nữ sinh Fukuoka) ●Hàn Quốc (Seoul) ●Malaysia (Kuala Lumpur)		●Việt Nam (Hà Nội) ●Thái Lan (Bangkok) ●Malaysia (Kuala Lumpur)
Phương pháp tuyển sinh và Điểm thi	●Bài tiểu luận: 150 điểm ●Phỏng vấn: 150 điểm ●Chứng chỉ tiếng Anh/ Kỳ thi trình độ*: 100 điểm ●Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU): 600 điểm		●Xét hồ sơ: 150 điểm ●Phỏng vấn: 150 điểm ●Chứng chỉ tiếng Anh/ Kỳ thi trình độ*: 100 điểm ●Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU): 600 điểm
Những điểm cần lưu ý khác	-		

Số lượng tuyển sinh cho kỳ thi tuyển sinh thông thường (20 người) bao gồm số lượng tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác trao đổi giới thiệu (vài người).

※Cần có Chứng chỉ/ Kỳ thi trình độ tiếng Anh

1)Kỳ thi kỹ năng tiếng Anh thực dụng 2)TOEFL iBT 3)TOEIC® Listening & Reading Test và TOEIC® Speaking & Writing Tests 4)GTEC (4 kỹ năng) 5)IELTS 6)TEAP 7)TEAPCBT 8)Kỳ thi Anh ngữ Cambridge

Điểm số của Chứng chỉ/ Kỳ thi trình độ tiếng Anh sẽ được cộng vào điểm thi của trường. Tuy nhiên, trường hợp nộp nhiều Giấy chứng nhận của các Chứng chỉ/ Kỳ thi trình độ tiếng Anh thì sẽ lấy điểm số cao nhất để cộng.

Q ĐHãy cho biết các môn thi của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)

A Các môn thi có đánh dấu “○” trong bảng dưới đây là những môn thi bắt buộc.

Môn thi	Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) *1				
	Tiếng Nhật *2	Lý Hoá Sinh	Môn tổng hợp	Toán *2	
	“Đọc hiểu” “Nghe hiểu/ Nghe đọc hiểu” “Viết”	Chọn 2 môn thi trong các môn “Vật lý” “Hoá học” “Sinh vật”		Course 1	Course 2
Ngành Giáo dục Quốc tế	○	-	○	△*3	△*3
Ngành Khoa học môi trường/trường	○	○	-	-	○
Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	○	○	-	-	○

※1 Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)

・Ngôn ngữ trong đề thi là tiếng Nhật hoặc tiếng Anh (có thể lựa chọn) ・Chỉ dành cho những thí sinh dự thi trong vòng 2 năm kể từ ngày thi đại học ・Nếu bạn muốn nhập học trước khi sang Nhật, hãy tham gia kỳ thi bên ngoài Nhật Bản

※2 Điểm số môn “Tiếng Nhật” và “Toán” sẽ được cộng vào điểm thi của trường. ※3 Thí sinh dự thi Ngành Giáo dục Quốc tế hãy chọn thi Course 1 hoặc Course 2.

Q Lệ phí dự thi là bao nhiêu?

A Lệ phí thi tuyển của du học sinh là 5.000 Yên.
Hãy xác nhận phương thức thanh toán trong mục Hướng dẫn tuyển sinh.

Q Hãy cho biết số lượng thí sinh dự thi và điểm số của người trúng tuyển.

A Hãy tham khảo bảng dưới đây. Tuy nhiên, chúng tôi không công bố điểm chuẩn trúng tuyển.

Phân loại nhập học		Ngành học	Số lượng tuyển sinh	Số thí sinh nộp đơn thi	Tỷ lệ ứng tuyển	Số người vắng mặt	Số thí sinh trúng tuyển	Số học sinh từ chối nhập học	Số sinh viên nhập học	
Tuyển sinh dành cho du học sinh nước ngoài	Tuyển sinh thông thường	Ngành Giáo dục Quốc tế	12	14	11	3	9	7	2	
		Ngành Khoa học môi trường	5	2	2	0	1	0	1	
		Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	3	1	0	1	-	-	-	
		Tổng số	20	17	13	4	10	7	3	
	Dự kiến Công nhận nhập học trước khi sang Nhật	Ngành Giáo dục Quốc tế	-	8	7	1	6	5	1	
		Ngành Khoa học môi trường	-	0	-	-	-	-	-	
		Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	-	0	-	-	-	-	-	
		Tổng số	-	8	7	1	6	5	1	
	Tuyển sinh theo hình thức do trường đối tác giới thiệu	Malaysia	Ngành Giáo dục Quốc tế	* vài người	2	2	0	2	0	2
		Ngành Khoa học môi trường	* vài người	0	-	-	-	-	-	
		Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	* vài người	0	-	-	-	-	-	
		Tổng số	* vài người	2	2	0	2	0	2	
	Tổng số	Ngành Giáo dục Quốc tế	12	16	13	3	11	7	4	
		Ngành Khoa học môi trường	5	2	2	0	1	0	1	
		Ngành Thực phẩm và Sức khỏe	3	1	0	1	-	-	-	
		Tổng số	20	19	15	4	12	7	5	

※Tuyển sinh thông thường dành cho du học sinh nước ngoài bao gồm cả số sinh viên của kỳ thi tuyển thứ hai ※Lược bỏ phần thi tuyển không có thí sinh đăng ký dự thi

Lịch thi	Ngành học	Phân loại	Tổng điểm (điểm hoán đổi)	Điểm Kỳ thi du học Nhật Bản (điểm gốc)			Thang điểm		
			Tổng điểm	Tiếng Nhật, bao gồm bài thi “Viết”	Môn tổng hợp	Toán học Course 1	Tổng số điểm	Cụ thể	
Tuyển sinh thông thường dành cho du học sinh nước ngoài	Ngành Giáo dục Quốc tế	Điểm cao nhất	868	699	414	180	136	1000	•Kỳ thi du học Nhật Bản 600 điểm
		Điểm thấp nhất	626	486	272	126	88	1000	•Kỳ thi tiếng Anh/ Chứng chỉ tiếng Anh 100 điểm
		Điểm trung bình	762.4	631.7	373.2	149.2	109.2	1000	•Tiêu chuẩn 150 điểm •Phỏng vấn 150 điểm

※Ngành Khoa học Môi trường do số thí sinh trúng tuyển rất ít nên không công bố

Q Tôi muốn có bộ đề thi trong quá khứ hoặc bộ hướng dẫn tuyển sinh?

A Bạn có thể xem trên trang web của trường.

Dành cho các bạn muốn xem bộ đề những năm trước:
http://www.fwu.ac.jp/exam_info/kakomon.html



Dành cho các bạn muốn xem hướng dẫn tuyển sinh:
http://www.fwu.ac.jp/exam_info/foreign_students.html



Q Làm thế nào để nộp hồ sơ ứng tuyển?

A Chỉ có thể nộp hồ sơ ứng tuyển qua Internet.
Hãy nhấp vào mục “Nộp hồ sơ qua Internet” trên trang web của trường, hoặc truy cập vào mã QR code có ở phía bên phải.

<https://www.postanet.jp/info/011030>

